

Bản án số: 08/2020/HC-ST  
Ngày: 14/9/2020

*V/v: Khiếu kiện Quyết định hành chính  
và yêu cầu bồi thường thiệt hại*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Ông Lương Văn Thoại

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HC ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông NVV, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Ông NDD là Luật sư Văn phòng Luật sư Bắc Đầu thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: P308, nhà A8 tập thể văn phòng Chính phủ, ngõ 4, phố Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

*Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông N, chức vụ: Phó chủ tịch; địa chỉ liên hệ: Ủy ban nhân dân xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020). “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông C, Trưởng thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện trình bày:* Năm 1994 ông V ký hợp đồng thuê đất 40m<sup>2</sup> của thôn Bình Trù, thời hạn là 7 năm (1994 - 2001), thuê 4kg thóc/m<sup>2</sup>. Được miễn thuế năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng. Hết thời hạn thuê đất do không vi phạm nên tiếp tục được sử dụng nhưng không phải trả tiền thuê đất hàng năm vì gia đình ông V đã đổi cho thôn Bình Trù 72m<sup>2</sup> đất là ngõ đi ra đồng cho thôn Bình Trù. Thông báo số 39/TB-UBND ngày 18/3/2019 của Ủy ban nhân dân xã Dương Quang về việc di chuyển toàn bộ tài sản, công trình, vật liệu kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất ra khỏi khu vực diện tích đất thôn Bình Trù; Quyết định số 62/QĐ-KPHQ ngày 15/5/2019 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 70/QĐ-CCXP ngày 28/5/2019 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ông V cho rằng việc ông thuê đất với thôn là tranh chấp dân sự nếu có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm giải quyết chứ không thuộc thẩm quyền của UBND xã Dương Quang. Vì vậy, ông đề nghị hủy Quyết định số 62/QĐ-KPHQ ngày 15/5/2019, Quyết định số 70/QĐ-CCXP ngày 28/5/2019 và Thông báo số 39 của UBND xã Dương Quang. Ngày 29/7/2020 ông V làm đơn bổ sung yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã Dương Quang đền bù công tôn tạo đất là 10.000.000đ, 01 nhà và mái xây dựng trên thửa đất thuê là 60.000.000đ, tiền thu nhập bị mất từ tháng 6/2019 cho đến nay là 20.800.000đ, giá trị tài sản là 40.000.000đ, tổng cộng là 130.800.000đ. Tại phiên tòa ông V rút một phần yêu cầu là không yêu cầu UBND xã Dương Quang bồi thường giá trị tài sản là 40.000.000đ; công tôn tạo đất là 10.500.000đ, 01 nhà và mái xây dựng trên thửa đất thuê là 12.500.000đ, tiền thu nhập bị mất từ tháng 6/2019 cho đến nay là 20.800.000đ, tổng cộng 43.800.000đ.

*Ý kiến của Luật sư:* Nhấtrớ với phần trình bày của ông V, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:* Ngày 01/9/1994 ông NVV (được gọi là bên B) đã ký hợp đồng với cán bộ của thôn (được gọi là bên A), ông V thuê 40m<sup>2</sup> đất tại vị trí đường trục của thôn thuộc khu đất đình làng, số thửa 108, tờ bản đồ số 11 đo vẽ năm 1994 đã được quy hoạch đình làng và nhà văn hóa của thôn. Thời hạn thuê từ ngày 01/9/1994 đến hết ngày 01/9/2001. Ông V nộp cho thôn 4kg thóc/m<sup>2</sup>. Khi hết hợp đồng ông V có làm đơn đề nghị cho thuê tiếp nhưng lãnh đạo thôn chưa giải quyết thì ông V tiếp tục coi nói và cho đến ngày 14/5/2002 lãnh đạo thôn tiếp tục làm việc với ông V về việc ông V chưa nộp đủ sản phẩm năm 2001, ông V tiếp tục đề nghị cho thuê tiếp mới nộp đủ sản phẩm năm 2001 nhưng không được giải quyết. Từ đó cho đến nay ông V không nộp sản phẩm và cố tình không trả lại đất mặc dù UBND xã đã gặp gỡ hòa giải, giải quyết với ông V nhiều lần nhưng không có kết quả.

Để đảm bảo việc quản lý đất đai đúng pháp luật UBND xã Dương Quang ra Thông báo số 39/TB-UBND ngày 18/3/2019 về việc di chuyển toàn bộ tài sản, công trình, vật liệu kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất ra khỏi khu vực diện tích đất thôn Bình Trù, xã Dương Quang; Quyết định số 62/QĐ-KPHQ ngày 15/5/2019 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số, Quyết định số 70/QĐ-CCXP ngày 28/5/2019 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Ủy ban nhân dân xã Dương Quang. Các quyết định trên ban hành là có căn cứ pháp luật nên quan điểm của UBND xã Dương Quang giữ nguyên các văn bản trên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu hủy các văn bản hành chính cũng như không chấp nhận bồi thường thiệt hại.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Thửa đất của ông V thuê của thôn Bình Trù là đất nằm trong quy hoạch đình làng. Vì vậy, hợp đồng thuê giữa ông V và thôn Bình Trù là không đúng pháp luật. Quyết định của UBND xã Dương Quang là đúng pháp luật. Đề nghị ông V trả lại đất cho thôn Bình Trù.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm:* Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành các quy định của Luật Tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông NVV, đình chỉ một phần yêu cầu của ông V; về án phí ông V phải chịu án phí hành chính và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông NVV có đơn khởi kiện thông báo và Quyết định hành chính của UBND xã Dương Quang và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, yêu cầu khởi kiện của ông V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

Về thời hiệu khởi kiện: Thông báo số 39/TB-UBND ngày 18/3/2019 về việc yêu cầu ông V di chuyển toàn bộ tài sản, công trình, vật liệu kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất ra khỏi khu vực diện tích đất thôn Bình Trù, xã Dương Quang; Quyết định số 62/QĐ-KPHQ ngày 15/5/2019 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số, Quyết định số 70/QĐ-CCXP ngày 28/5/2019 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày ông V nộp đơn khởi kiện ngày 11/7/2019, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định nên thời hiệu khởi kiện của ông Thụy đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu UBND xã Dương Quang bồi thường giá trị tài sản là 40.000.000đ; bổ sung thêm công tôn tạo đất từ 10.000.000đ lên 10.500.000đ, 01 nhà và mái xây dựng trên thửa đất thuê từ 60.000.000đ xuống còn 12.500.000đ; giữ nguyên tiền thu nhập bị mất là 20.800.000đ, tổng cộng 43.800.000đ. Như vậy, chênh lệch giữa yêu cầu ban đầu là 130.800.000đ - 43.800.000đ yêu cầu tại phiên tòa = 87.000.000đ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là 87.000.000đ của ông V là tự nguyện, căn cứ Điều 173 Luật tố tụng hành chính nên chấp nhận là có căn cứ.

Ông C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt Ông C.

[2]. Về việc sử dụng đất của ông V:

Theo hợp đồng ngày 01/9/1994 được ký giữa ông NVV và trưởng thôn Bình Trù, diện tích thuê là 40m<sup>2</sup>, mục đích làm lều đặt máy xay xát, thời gian thuê là 07 năm tính từ ngày ký hợp đồng, giá trị tính bằng thóc là 4kg/m<sup>2</sup> quy ra tiền theo giá trị giá thóc thuê nông nghiệp Nhà nước quy định từng vụ. Khi hết hạn thời gian thuê, ông V được phép tháo dỡ vật liệu, riêng phần sản đất phải trả lại địa phương quản lý không được làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; về hợp đồng thuê đất là trái thẩm quyền vi phạm quy định tại Điều 37 Luật đất đai năm 2003 (Điều 59 Luật đất đai năm 2013) thì chỉ có Ủy ban nhân dân xã mới có quyền ký hợp đồng thuê là loại đất công do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trên diện tích đất này. Việc sử dụng đất mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định

102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hơn nữa, diện tích đất trên nằm trong khuôn viên đình làng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-003880/12991/QĐ-UBND, ngày 05/9/2017 của UBND huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội cấp cho Cộng đồng dân cư (Đình) thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội thửa đất số: 108+112+113, tờ bản đồ số: 11, diện tích 4910,9m<sup>2</sup>, địa chỉ: thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Trước đây là thửa đất số: 108+113, tờ bản đồ số: 11, đo vẽ năm 1993-1994.

[3]. Đối với Thông báo số 39/TB-UBND ngày 18/3/2019 của UBND xã Dương Quang, về việc di chuyển toàn bộ tài sản, công trình, vật liệu kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất ra khỏi khu vực diện tích đất thôn Bình Trù, xã Dương Quang. Diện tích đất ông V sử dụng là loại đất công (diện tích đất khuôn viên đình làng thôn Bình Trù) do UBND xã Dương Quang quản lý. Việc sử dụng đất của ông V là hành vi chiếm đất như đã phân tích ở trên. Do đó, thông báo số 39 của UBND xã Dương Quang là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Luật tổ chức chính quyền địa phương. Về thông báo này thì theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về Công tác văn thư quy định: Văn bản hành chính gồm các loại văn bản sau: Nghị quyết (cá biệt), quyết định (cá biệt), chỉ thị, quy chế, quy định, thông cáo, thông báo, hướng dẫn, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án, dự án, báo cáo, biên bản, tờ trình, hợp đồng, công văn, công điện, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận, giấy ủy quyền, giấy mời, giấy giới thiệu, giấy nghỉ phép, phiếu gửi, phiếu chuyển, phiếu báo, thư công. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định: Là văn bản hình thành trong quá trình chỉ đạo, điều hành giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức.

Vì vậy, Thông báo số 39 là hợp pháp nhằm đảm bảo trật tự trong lĩnh vực quản lý đất đai ở địa phương.

[4]. Đối với Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 62/QĐ-KPHQ ngày 13/5/2019 của UBND xã Dương Quang. Tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định, quy định: Về việc di chuyển toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu, công trình xây dựng, vật kiến trúc và khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Chủ tịch ủy ban nhân dân xã có quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Căn cứ vào vi phạm của ông NVV, UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 07/5/2019. Ngày 13/5/2019 ra Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 62/QĐ-KPHQ.

Theo quy định khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nếu hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính không còn nên Chủ tịch UBND xã Dương Quang áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ đúng pháp luật.

Về căn cứ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Căn cứ khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, quy định: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; điểm a khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

[5]. Đối với Quyết định Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 70/QĐ-CCXP, ngày 28/5/2019 của UBND xã Dương Quang. Nội dung thực hiện Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 62/QĐ-KPHQ, ngày 13/5/2019 của UBND xã Dương Quang.

Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND cấp xã được quyền ra Quyết định cưỡng chế. Lí do là ông V không chấp hành Quyết định Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 62/QĐ-KPHQ ngày 13/5/2019 của UBND xã Dương Quang. Theo quy định tại Điều 29 Luật xử lý vi phạm hành chính: “Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính của mình gây ra; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện”. Về trình tự, thủ tục cưỡng chế Chủ tịch UBND xã Dương Quang căn cứ Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Vì vậy, các văn bản hành chính của UBND xã Dương Quang về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu hủy các văn bản hành chính trên của ông V không được chấp nhận.

[6]. Đối với yêu cầu của ông V buộc UBND xã Dương Quang bồi thường tiền công tôn tạo đất là 10.500.000đ, 01 nhà và mái xây dựng trên thửa đất thuê là 12.500.000đ, tiền thu nhập bị mất là 20.800.000đ, tổng cộng 43.800.000đ. Do các văn bản hành chính của UBND xã Dương Quang là hợp pháp nên yêu cầu này của ông V không có căn cứ pháp luật.

[7]. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000đ, do yêu cầu của ông V không được chấp nhận nên phải nộp số tiền trên, ông V đã nộp 3.000.000đ (đã thi hành xong).

[8]. Về án phí: Ông V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, Điều 173, các điều 204, 206 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điều 28, 29, 38, 65, 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 37 Luật đất đai năm 2003, Điều 59 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các điều 3, 10, 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ các điều 3, 7 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về Công tác văn thư;

Căn cứ khoản 1, 6, 7 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông NVV về việc yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 39/TB-UBND ngày 18/3/2019 về việc di chuyển toàn bộ tài sản, công trình, vật liệu kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất ra khỏi khu vực diện tích đất thôn Bình Trù, xã Dương Quang; Quyết định số 62/QĐ-KPHQ ngày 15/5/2019 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 70/QĐ-CCXP ngày 28/5/2019 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Ủy ban nhân dân xã Dương Quang và yêu cầu buộc UBND xã Dương Quang phải bồi thường thiệt hại 43.800.000đ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về việc không yêu cầu UBND xã Dương Quang bồi thường thiệt hại là 87.000.000đ.

3. Về chi phí tố tụng: Ông V phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000đ, ông V đã nộp 3.000.000đ (đã thi hành xong).

4. Về án phí: Ông NVV phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 2.190.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 2.490.000đ được trừ 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/000 4885 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, ông V còn phải nộp tiếp 2.190.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP Hà Nội;
- UBND h. Gia Lâm;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng Quang**